

## HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG, TRUYỀN HÌNH

Hợp đồng số:..... Mã khách hàng:.....

Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình (dưới đây gọi tắt là “Hợp đồng”) được ký kết vào ngày .... tháng ... năm .... tại ..... giữa và bởi:

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (gọi tắt là “Bên A”):**.....

Tên Doanh nghiệp/Tổ chức/Cá nhân:.....

Người đại diện (áp dụng với doanh nghiệp/tổ chức):.....

Chức vụ: .....

Quốc tịch:..... Ngày sinh: ...../...../..... Nam/Nữ: .....

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp:.....

Số Giấy chứng nhận ĐKDN/QĐTL/GPTL:..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú.....

Địa chỉ thanh toán .....

Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....

Tài khoản số: ..... Tại ngân hàng:..... Mã số thuế.....

Điện thoại: ..... E-mail:..... Thông tin liên hệ khác:.....

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (gọi tắt là “Bên B”):**..... - **Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông**

Giấy phép cung cấp Dịch vụ viễn thông số : 469/GP-BTTTT Ngày cấp:14/10/2016 Nơi cấp: Bộ TT&TT

Giấy phép cung cấp Dịch vụ viễn thông số : 18/GP-CVT Ngày cấp: 18/01/2018 Nơi cấp: Cục Viễn thông

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận ĐKDN số:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Đại diện bên B: ..... Chức vụ:.....

(Theo ủy quyền số.....)

Tài khoản số: ..... Tại ngân hàng:.....

Mã số thuế:.....

Điện thoại: 84-24.33992288 Website: <http://vnpt.com.vn>

<http://www.vinaphone.com.vn>

Hotline chăm sóc khách hàng: - 18001166 (*dịch vụ cố định/internet/truyền hình*);

- 18001091 (*dịch vụ di động*).

### Điều 1: Điều khoản chi tiết

1.1. Bên B cam kết cung cấp các loại dịch vụ viễn thông, truyền hình (sau đây gọi tắt là “Dịch vụ”) cho Bên A theo đúng quy định của Hợp đồng. Thời gian bắt đầu tính cước dịch vụ của Bên A là ngày hòa mạng (*đối với dịch vụ di động*) hoặc ngày các Bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (*đối với các dịch vụ khác*)

1.2. Hai bên thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ như sau:

STT	Loại dịch vụ	Địa chỉ lắp đặt	Số thuê bao /Tên truy cập	Gói cước/Loại cổng /Tốc độ/số hiệu kênh	Dịch vụ cộng thêm	Thông tin khác
1						
2						
3						

- 1.3. Bên A cam kết thanh toán các khoản cước thuê bao, cước phát sinh trong quá trình sử dụng theo quy định của Bên B được niêm yết công khai tại điểm giao dịch, trên website của Bên B và cung cấp cho bên A khi ký kết hợp đồng trong thời hạn **không quá 7 ngày** kể từ ngày nhận được hóa đơn/thông báo cước phí sử dụng. Quá thời hạn đó, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch vụ theo quy định tại hợp đồng.
- 1.4. Các bên thống nhất các hình thức nhận thông báo cước, hình thức thanh toán Bên A đã đăng ký (*trừ trường hợp Bên A thay đổi hình thức gửi thông báo cước trong quá trình sử dụng sau ngày ký hợp đồng*)

Các bên thống nhất các hình thức nhận thông báo cước, hình thức thanh toán Bên A đăng ký như sau:

**Hình thức thanh toán của bên A**

1. Qua ngân hàng/Ví điện tử
2. Tại các điểm giao dịch của Bên B
3. Tại địa chỉ của Bên A
4. Khác (Ghi rõ)

**Hình thức nhận thông báo cước**

1. Qua cổng thông tin điện tử
2. Qua thư điện tử (email)
3. Qua tin nhắn (số điện thoại)

**Các dịch vụ cung cấp mặc định**

Dịch vụ thoại (trong nước và quốc tế)	Hiện thị số gọi đến; Giữ, chờ cuộc gọi,
Dịch vụ nhắn tin (trong nước và quốc tế)	Dịch vụ gọi khẩn
Dịch vụ truy nhập Mobile Internet	Nhận thông tin khuyến mại/quảng cáo, CSKH (miễn phí)

*Bên A có thể từ chối nhận thông tin quảng cáo bằng cách soạn tin (miễn phí): TC gửi 18001091*

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Sau khi Bên A đã đọc kỹ nội dung hợp đồng, điều khoản chung của hợp đồng đã được Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương chấp thuận theo Thông báo số 58/TB-CT ngày 10/03/2021, Bên A và Bên B thống nhất:

- 2.2 Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình được giao kết (*bao gồm Hợp đồng, Điều khoản chung của hợp đồng*) đã bao gồm các căn cứ pháp luật, thông tin doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, thông tin hỗ trợ, giải quyết khiếu nại, điều kiện giao kết hợp đồng, các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của các bên, các điều khoản về thanh toán, chấm dứt hiệu lực hợp đồng được quy định chi tiết tại Điều khoản chung của Hợp đồng. (*Hợp đồng mẫu và Điều khoản chung của hợp đồng mẫu được niêm yết công khai tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, trên website của Bên B và cung cấp cho Bên A khi ký kết hợp đồng bằng bản in trực tiếp hoặc qua email hoặc các phương thức khác do hai bên thỏa thuận*).
- 2.3 Hai Bên cam kết tuân thủ các điều khoản quy định tại hợp đồng này, tại điều khoản chung của hợp đồng đã được Bên A công bố tại thời điểm ký kết hợp đồng và mọi thay đổi về nội dung của Hợp đồng này phải được hai bên thỏa thuận quy định trong các phụ lục kèm theo Hợp đồng.
- 2.4 Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng là phụ lục của Hợp đồng này (*không áp dụng cho dịch vụ di động*). Ngày bắt đầu tính cước của Bên A là ngày hòa mạng (*đối với dịch vụ di động*) hoặc ngày nghiệm thu bàn giao được ghi trên Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (*đối với các dịch vụ khác*).

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để làm căn cứ thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN GIAO DỊCH**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)